

Số : 217 /CV/IFS/2024

Đồng Nai, ngày 16 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

(V/v: Giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2024)

Trước hết chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.
Chúng tôi xin gửi báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Quý 2 năm 2024 như sau:

ĐVT: Ngàn VND

| Các chỉ tiêu | Quý 2 năm 2024 | Quý 2 năm 2023 | Thay đổi | Lũy kế Quý 2 năm 2024 | Lũy kế Quý 2 năm 2023 | Thay đổi |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|------------|
| Tổng doanh thu | 559,131,698 | 506,822,518 | 10% | 1,037,534,427 | 928,416,287 | 12% |
| Các khoản giảm trừ | 34,427,726 | 29,920,414 | 15% | 65,708,129 | 56,316,902 | 17% |
| % Giảm trừ doanh thu | 6% | 6% | | 6% | 6% | |
| Doanh thu thuần | 524,703,972 | 476,902,104 | 10% | 971,826,298 | 872,099,385 | 11% |
| Giá vốn hàng bán | 331,034,497 | 299,010,439 | 11% | 624,456,173 | 567,052,294 | 10% |
| % Giá vốn hàng bán | 63% | 63% | | 64% | 65% | |
| Lợi nhuận gộp | 193,669,475 | 177,891,665 | 9% | 347,370,125 | 305,047,091 | 14% |
| % Lợi nhuận gộp | 37% | 37% | | 36% | 35% | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 4,904,554 | 10,036,737 | -51% | 8,886,987 | 20,349,089 | -56% |
| Chi phí tài chính | 195,175 | 14,429 | 1253% | 227,185 | 73,082 | 211% |
| Trong đó: chi phí lãi vay | - | - | | - | - | |
| Chi phí bán hàng | 109,154,655 | 91,144,921 | 20% | 194,967,064 | 177,805,066 | 10% |
| % Chi phí bán hàng | 21% | 19% | | 20% | 20% | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 15,000,632 | 10,552,557 | 42% | 24,142,740 | 19,616,113 | 23% |
| Lãi từ hoạt động kinh doanh | 74,223,567 | 86,216,495 | -14% | 136,920,123 | 127,901,919 | 7% |
| Thu nhập khác | 644,981 | 1,109,294 | -42% | 960,766 | 1,171,764 | -18% |
| Chi phí khác | 3,025,044 | 1,418,960 | 113% | 3,409,007 | 1,562,057 | 118% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 71,843,504 | 85,906,829 | -16% | 134,471,882 | 127,511,626 | 5% |
| CP thuế TN hiện hành | 17,860,799 | 13,724,007 | 30% | 26,725,247 | 21,160,900 | 26% |
| CP thuế TN hoãn lại | (996,132) | 42,773 | -2429% | 2,755,440 | 4,671,832 | -41% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 54,978,837 | 72,140,049 | -24% | 104,991,195 | 101,678,894 | 3% |
| % Lợi nhuận sau thuế | 10% | 15% | | 11% | 12% | |

Quý 2 năm 2024 Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế là 55 tỷ đồng, giảm khoảng 24% so Quý 2 năm 2023, công ty xin giải trình như sau:

Doanh thu thuần tăng 10% so với số cùng kỳ do Công ty tiếp tục nỗ lực thực hiện kế hoạch bán hàng đã đề ra, tập trung mạnh vào các dòng sản phẩm chủ chốt và sản phẩm chiến lược.

Chi phí giá vốn hàng bán Quý 2 năm 2024 duy trì mức 63% tỷ trọng doanh thu thuần, ngang bằng với cùng kỳ năm ngoái, nguyên nhân do trong quý tuy có biến động tăng giá của một số nguyên liệu đầu vào nhưng được bù đắp bởi các chi phí biến đổi và chi phí cố định khác, dẫn đến giá thành ổn định so với cùng kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm do ảnh hưởng từ xu hướng giảm của lãi suất tiền gửi theo mặt bằng chung trong quý này.

Chi phí bán hàng tăng cơ bản liên quan việc Công ty đẩy mạnh các chương trình khuyến mãi, tăng cường chiến dịch truyền thông quảng bá các sản phẩm chiến lược chủ chốt để thúc đẩy tăng trưởng doanh số trong kỳ.

Chi phí quản lý tăng trong quý này cơ bản liên quan một số khoản đầu tư về công nghệ để phục vụ mục đích tăng trưởng của Công ty.

Thu nhập khác chủ yếu liên quan các khoản bồi thường từ một số nhà cung cấp

Chi phí khác chủ yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh khi đóng mã số thuế của một công ty con.

Trên đây là một số yếu tố chính giải trình kết quả chênh lệch tăng trên 10% của hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2024 so với số cùng kỳ năm trước.

Trân trọng cảm ơn.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Daisuke Hattori
Tổng Giám đốc